

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2021/HNGĐ - ST**
Ngày 07 tháng 5 năm 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tám.

2. Ông Từ Ngọc Viễn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Kim Hằng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*
Bà Dương Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 618/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích Đ, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A đường Trần Thị T, khu phố B, Phường G, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hồng Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường Trần Thị T, khu phố B, Phường G, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị Bích Đ trình bày: chị và anh Đ quen biết và chung sống vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2006. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xung đột, bất đồng quan điểm, cự cãi thường xuyên. Dù đã nhiều lần cố hàn gắn nhưng chị và anh Đ vẫn không hòa hợp nhau được. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 14/8/2007 và Trần Hồng T, sinh ngày 18/7/2009. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Hồng T và đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng Trần Khánh A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị Đ trình bày hiện tại 02 con đang sống với chị Đ, nên chị thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện là chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, vì anh Đ đã bỏ đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Hồng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Bích Đ yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hồng Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Anh Trần Hồng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định tại các Điều 174, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Đ kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Đ trình bày quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn phát sinh do khác biệt quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Đến nay chị không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Anh Trần Hồng Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có văn bản trình bày ý kiến xem như anh từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ là không thể hàn gắn vì đời sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết cũng không có văn bản trình bày ý kiến, cho thấy anh Đ không tha thiết hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị Đ.

Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị được ly hôn với anh Đ.

[2.3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 14/8/2007 và Trần Hồng T, sinh ngày 18/7/2009. Cả 02 con đang sống với chị Đ và chị yêu cầu được nuôi cả hai con vì hiện tại anh Đ đã bỏ nhà không còn sống chung nên không có điều kiện nuôi con. Xét thấy, để cho trẻ có cuộc sống ổn định, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 cháu T và A cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích Đ được ly hôn với anh Trần Hồng Đ.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 14/8/2007 và Trần Hồng T, sinh ngày 18/7/2009 cho chị Phạm Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Bà Phạm Thị Bích Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002069 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên chị đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Đ có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND xã Bình Đức.
- Các đương sự;
- Lưu (07b).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên